

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG/Name of Company**  
**Năm 2018/Year**



**I. Thông tin chung/ General information**

**1. Thông tin khái quát/ General information**

- Tên giao dịch/ *Trading name*: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ *Certificate of business registration No*: 1500202535 cấp lần đầu ngày 09/11/2004, cấp thay đổi lần 17 ngày 15/11/2017.
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: 568.328.240.000 đồng
- Địa chỉ/ *Address*: Số 150 đường 14/9, phường 5, TP.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
- Số điện thoại/ *Telephone*: 0270. 3 822 533
- Số fax/ *Fax*: 0270. 3 822 129
- Website: [www.pharimexco.com.vn](http://www.pharimexco.com.vn)
- Mã cổ phiếu/ *Securities code*: DCL

❖ *Quá trình hình thành và phát triển/Incorporation and development process*

Quá trình hình thành và phát triển/ *Foundation and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ *Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

▪ **Lịch sử hình thành:**

- Năm 1976: hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh được sáp nhập thành tỉnh Cửu Long, Xí nghiệp dược phẩm Cửu Long và Công ty dược phẩm Cửu Long ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất, phân phối dược phẩm, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.
- Tháng 04/1984: Xí nghiệp dược Phẩm Cửu Long và Công ty dược phẩm Cửu Long sáp nhập thành Xí Nghiệp Liên hiệp Dược Cửu Long. Xí nghiệp có nhiệm vụ chính là sản xuất, lưu thông phân phối thuốc, chế biến thuốc và xuất nhập khẩu các mặt hàng dược phẩm.
- Năm 1992: tỉnh Cửu Long được chia tách thành hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh. Xí Nghiệp Liên hiệp dược phẩm Cửu Long cũng được tách ra làm 2, bao gồm công ty Dược Trà Vinh và Công ty Dược Cửu Long. Tháng 11 năm 1992, công ty Dược Cửu Long đổi tên thành Công ty Dược và Vật tư y tế Cửu Long (Pharimexco).
- Tháng 09/2004: Công ty bắt đầu chuyển đổi loại hình từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần theo chủ trương cổ phần hóa Doanh nghiệp của Chính phủ.
- Ngày 09/11/2004: Công ty với tên gọi mới là Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long. Vốn điều lệ ban đầu là 56 tỷ đồng.

▪ **Những cột mốc phát triển:**

- Năm 1997: Công ty liên doanh với Hàn Quốc thành lập nhà máy sản xuất dụng cụ y tế Việt Nam - Hàn Quốc (gọi tắt là Vikimco), với công nghệ sản xuất thế hệ mới của Hàn Quốc.
- Năm 2000: liên doanh với đối tác Canada xây dựng nhà máy Vicancap, áp dụng công nghệ tiên tiến trong việc sản xuất Capsule (nang rỗng) các loại. Hiện nay nhà máy Vicancap với tên gọi mới là Nhà máy sản xuất Capsule

- Ngày 17/09/2008: Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long chính thức trở thành công ty niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã giao dịch DCL.
- Năm 2015 Công ty cổ phần Đầu tư F.I.T trở thành cổ đông lớn của Dược Cửu Long và hiện nay Dược Cửu Long là Công ty con của Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T.
- Năm 2016-2017, DCL góp vốn thành lập Công ty cổ phần dược phẩm Benovas, Công ty cổ phần thuốc ung thư Benovas và thực hiện thương vụ mua lại Công ty cổ phần Dược phẩm Euvipharm.
- Đặc biệt, dự án xây mới Nhà máy sản xuất Capsule 3 đã hoàn thành, đưa vào hoạt động tháng 8/2018, nâng công suất sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng doanh thu toàn Công ty và góp phần phát triển nền kinh tế tỉnh nhà.
- Các sự kiện khác/*Other events*

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:*

- *Ngành nghề kinh doanh/Lines of the business:* (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

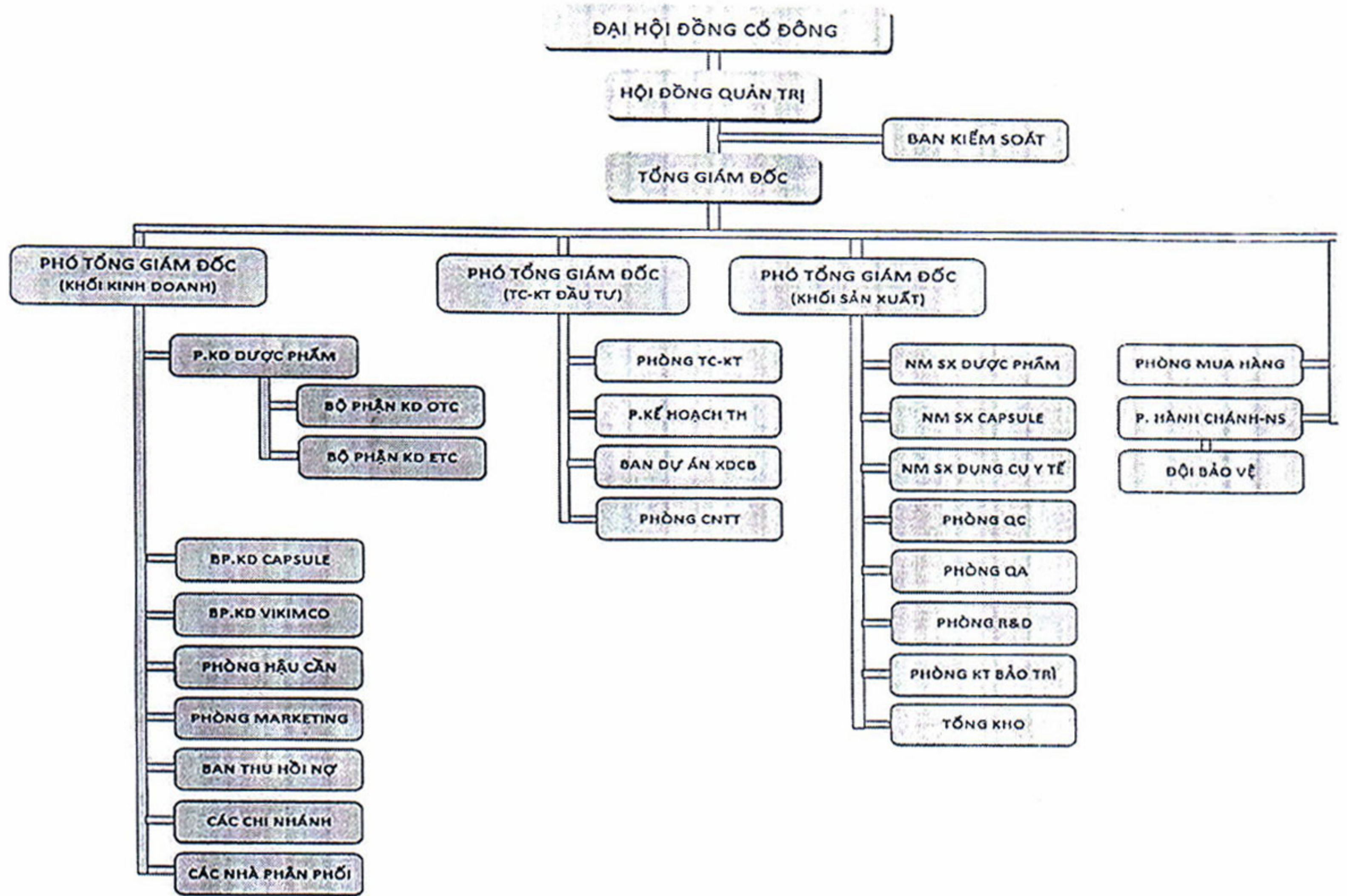
Sản xuất, kinh doanh: Dược phẩm, Capsule các loại, dụng cụ, trang thiết bị y tế cho ngành dược, ngành y tế, mỹ phẩm, dược liệu, nguyên phụ liệu và các loại dược phẩm bào chế khác

- *Địa bàn kinh doanh/Location of business:* (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).
- Hệ thống phân phối của DCL với hình thức bán trực tiếp, bán qua Công ty con là Benovas Pharma, 10 chi nhánh tại các tỉnh, thành phố lớn và trên 80 nhà phân phối trên phạm vi toàn quốc.
- Hệ thống ETC DCL trực tiếp tham gia thầu tại các cơ sở y tế trên cả nước và cung cấp hàng hóa trực tiếp đến tất cả các bệnh viện, trung tâm y tế thông qua hệ thống chi nhánh của DCL trên toàn quốc.
- Capsule cung cấp nang cho hầu hết các Công ty sản xuất thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng trong nước.

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- *Mô hình quản trị/ Governance model.*  
 Đại hội đồng cổ đông  
 Hội đồng quản trị  
 Ban kiểm soát  
 Ban Tổng Giám đốc
- *Cơ cấu bộ máy quản lý/ Management structure.*

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ (*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies*)).

Thông tin chi tiết về các công ty con/công ty liên kết của Công ty tại ngày 31/12/ 2018 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Liên doanh Sản xuất Kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị y tế	số 11 Đường Lanexang, Bản Hatsady, Quận Chanthabory, Lào	51	51	Giới thiệu thuốc
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Mêkông	Vĩnh Long	100	100	Kinh doanh dược phẩm, capsule các loại, dụng cụ, trang thiết bị y tế cho ngành dược, ngành y tế, mỹ phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, dược liệu, hóa chất, nguyên phụ liệu và các loại dược phẩm bào chế khác.
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC - Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	100	100	Kinh doanh dược phẩm và dụng cụ y tế
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	Thành phố Hồ Chí Minh	95	95	Kinh doanh dược phẩm, Capsule các loại, dụng cụ, trang thiết bị y tế cho ngành dược, ngành y tế, mỹ phẩm, dược liệu,
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas	Vĩnh Long	99	99	Sản xuất và kinh doanh dụng cụ, trang thiết bị y tế cho ngành dược, ngành y tế...
Công ty Cổ phần Thuốc Ung Thư Benovas	Thành phố Hà Nội	55	55	Sản xuất thuốc, hòa dược và dược liệu...
Công ty Cổ phần Dược Phẩm Euvipharm - Thành viên Tập đoàn F.I.T	Long An	90	90	Sản xuất thuốc, hòa dược và dược liệu...

- Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC – Sài Gòn (“VPC”) là công ty TNHH MTV được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311124093 ngày 06/9/2011 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn Điều lệ của công ty là 163 tỷ đồng.
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas (“Benovas Pharma”) là công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0314033736 ngày 27/9/2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn Điều lệ của Công ty là 30 tỷ đồng.
- Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas (“Benovas McDevices”) là công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1501057104 ngày 27/9/2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 50 tỷ đồng.
- Công ty cổ phần thuốc ung thư Benovas là công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107753133 ngày 08/03/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 100 tỷ đồng.
- Công ty cổ phần Dược phẩm Euvipharm là công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100670578 ngày 02/08/2018 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 542 tỷ đồng.

#### 4. Định hướng phát triển/ Development orientations

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company.*

Mục tiêu 5 năm: Là Công ty Dược Việt Nam được đánh giá thứ hai trên thị trường bởi các bệnh nhân, nhân viên và đối tác.

Mục tiêu hoạt động:

- Tập trung xây dựng nhóm hàng chiến lược có doanh số lớn và lợi nhuận cao.

- Triển khai chiến lược sản phẩm mới.
  - Cải tiến và nâng cao kỹ thuật.
  - Xây dựng một hệ thống sản xuất năng suất, chất lượng, hiệu quả và kịp thời.
  - Duy trì tốt hệ thống quản lý chất lượng.
  - Luôn xem uy tín thương hiệu, chất lượng sản phẩm và đạo đức trong kinh doanh là mục tiêu hoạt động của Công ty.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term.*
- Nghiên cứu khả thi dự án xây dựng nhà máy thuốc ung thư công nghệ cao đặt tại khu công nghiệp công nghệ cao.
  - Tiếp tục nghiên cứu dự án đầu tư Nhà máy sản xuất Capsule 4 căn cứ vào nhu cầu thị trường.
  - Nghiên cứu đầu tư Dự án nhà máy sản xuất vật tư y tế mới.
  - Tăng cường đầu tư phát triển các sản phẩm tương đương sinh học, mục tiêu mỗi năm có từ 3-4 sản phẩm đạt tương đương sinh học.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/ *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*
- + Các nhà máy sản xuất của Công ty đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, cGMP-FDA: 2015, ISO 9001:2015, ISO 7886-1: 2017, ISO 13485:2016. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các nhà máy của công ty đều áp dụng công nghệ sản xuất sạch và phù hợp trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm-capsule-dụng cụ y tế, ít phế thải, giảm tiêu hao nguyên vật liệu thông qua việc đầu tư trang thiết bị hiện đại, cao tốc.
  - + Đảm bảo công tác bảo vệ môi trường, thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường thông qua kết quả báo cáo đánh giá tác động môi trường.
  - + Thực hiện đầy đủ các chính sách xã hội do các cơ quan ban ngành tại địa phương phát động, tích cực hưởng ứng các chương trình vì cộng đồng.

5. *Các rủi ro/ Risks: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*

Rủi ro	Ảnh hưởng	Quản trị
Rủi ro kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các Công ty sản xuất và kinh doanh dược phẩm.</li> <li>- Các quy định, chính sách quản lý về chất lượng và giá, Luật Dược 2016 có hiệu lực ảnh hưởng đến kênh ETC do áp lực cạnh tranh về giá cũng như Nghị Định 54/ ND-CP 2017 quy định về áp thầu.</li> <li>- Thuốc chịu sự quản lý về giá nên Công ty gặp khó khăn trong việc điều chỉnh giá bán khi giá nguyên liệu đầu vào biến động</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp dụng các giải pháp linh hoạt như tìm nhà cung cấp nguyên vật liệu với giá cạnh tranh, bố trí sản xuất hợp lý, đầu tư máy móc, thiết bị mới...mục tiêu giảm giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh cho những dòng sản phẩm hiện có.</li> <li>- Dự án xây mới nhà máy sản xuất Capsule 3 đi vào hoạt động tháng 8/2018 làm tăng tổng doanh thu.</li> </ul>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật các chính sách thay đổi của nhà nước, của các cơ quan quản lý để có những điều chỉnh phù hợp.</li> <li>- Tập trung sản xuất những sản phẩm có doanh số lớn, lợi nhuận cao.</li> </ul>
Rủi ro lãi suất	Các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ cấu hợp lý các khoản vay</li> <li>- Tìm kiếm, đàm phán các nguồn vốn vay với lãi suất ưu đãi từ các ngân hàng thương mại.</li> </ul>
Rủi ro giá nguyên liệu đầu vào	Công ty mua, nhập khẩu nguồn nguyên liệu, bao bì, tá dược từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, vì vậy Công ty chịu rủi ro từ giá nguyên vật liệu biến động	Kiểm soát nguồn nguyên liệu đầu vào thông qua việc tìm kiếm các nhà cung cấp uy tín, đảm bảo 100% chất lượng đầu vào đạt tiêu chuẩn, dùng nguồn đã đăng ký với Cục quản lý Dược, giá cả cạnh tranh nhất trên thị trường -> mục tiêu giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm sản xuất.
Rủi ro tỷ giá	Phần lớn nguyên liệu chính nhập khẩu nên có rủi ro do tỷ giá USD biến động	Chủ động tìm nguồn giải ngân USD với lãi suất ưu đãi tại các ngân hàng thương mại
Rủi ro về các khoản phải thu	Một số khách hàng không có khả năng thanh toán, công ty phải trích lập dự phòng nợ phải thu ảnh hưởng đến lợi nhuận.	Xây dựng hạn mức nợ hợp lý, tập trung thu hồi, hạn chế nợ khó đòi, nợ quá hạn
Rủi ro về môi trường	- Hệ thống bơm, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải bị sự cố sét đánh, chập điện, cháy nổ dẫn đến hư hỏng. -> Chất thải nguy hại có thể ảnh hưởng môi trường xung quanh. Hệ thống xử lý nước thải ngưng hoạt động, phải dừng sản xuất.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nền nhà chứa chất thải nguy hại được thiết kế đặc biệt để thu trực tiếp nước trên sàn vào hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo không rò rỉ ra môi trường xung quanh.</li> <li>- Bố trí sẵn các thiết bị thay thế cho hệ thống xử lý nước thải khi cần sửa chữa, đảm bảo duy trì hệ thống liên tục để phục vụ sản xuất.</li> </ul>

## II. Tình hình hoạt động trong năm/ Yearly Operations

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ Results of business operations in the year: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv./Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc..

➤ Kết quả sản xuất:

DVT: Triệu sản phẩm

Nhóm hàng	Thực hiện 2018	So với kế hoạch năm 2018		So với năm 2017	
		Kế hoạch năm 2018	% hoàn thành KH	Thực hiện năm 2017	% tăng /giảm
Dược phẩm	1.182	1.253	94,3%	1.258,7	- 6%
Capsule	4.586	4.615	99,37%	3.738	22,6%
Dụng cụ y tế	128,3	132	97,2%	128	0,23%
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.896,3</b>	<b>6.000</b>	<b>98,27%</b>	<b>5.124,7</b>	<b>115%</b>

➤ Doanh thu thuần từng ngành hàng:

Nhóm hàng	Thực hiện 2018 (tỷ đồng)	Thực hiện 2017 (tỷ đồng)	Kế hoạch 2018 (tỷ đồng)	% tăng/giảm so với 2017	% hoàn thành kế hoạch
Dược phẩm	488.76	458	580.51	107%	84%
Capsule	193.12	168.27	210.89	115%	92%
Vikimco	86.53	76.83	90.72	113%	95%
Euvipharm	35.46	38.75	81.11		44%
Hàng ngoài	0.32	23.48		1%	
<b>Tổng</b>	<b>804.18</b>	<b>765.33</b>	<b>963.24</b>	<b>105%</b>	<b>83%</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 2018 đã kiểm toán)

➤ Các điểm nổi bật trong kinh doanh:

- ✓ Hệ thống phân phối của DCL với hình thức bán trực tiếp, bán qua Công ty con là Benovas Pharma, 10 chi nhánh tại các tỉnh, thành phố lớn và trên 80 nhà phân phối trên phạm vi toàn quốc.
- ✓ Hệ thống ETC DCL trực tiếp tham gia thầu tại các cơ sở y tế trên cả nước và cung cấp hàng hóa trực tiếp đến tất cả các bệnh viện, trung tâm y tế thông qua hệ thống chi nhánh của DCL trên toàn quốc.
- ✓ Capsule cung cấp nang cho hầu hết các Công ty sản xuất thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng trong nước.
- ✓ Bộ phận kinh doanh Capsule trong năm 2018 đã giành lại được một số khách hàng đặc biệt, ký hợp đồng với doanh số lớn nhờ vào việc thay đổi chiến lược bán hàng theo hướng gia tăng giá trị và nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./*Comparing the actual progress with the targets and the results of the*



preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/ excess of the targets and against the preceding years.

DVT: tỷ đồng

Khoản mục	Thực hiện 2018	So với kế hoạch 2018		So với năm 2017	
		Kế hoạch 2018	% hoàn thành	Thực hiện năm 2017	% Tăng/giảm
1. Doanh thu thuần	804.2	963.2	83%	765.3	5%
2. Lợi nhuận sau thuế	12.7	86	15%	74.8	-83%

(Theo BCTC hợp nhất năm 2017 đã kiểm toán)

- Doanh thu thuần đạt 83% so với kế hoạch nhưng tăng 5% so với năm 2017, doanh thu không đạt kế hoạch nguyên nhân chủ yếu là do:
  - Dược phẩm: do giảm mảng thầu, áp lực cạnh tranh về giá đấu thầu cũng như qui định về áp thầu làm giảm doanh số bán hàng vào các bệnh viện, cơ sở y tế.
  - Euvipharm đang trong giai đoạn khó khăn, mặc dù đã khôi phục hoạt động sản xuất từ cuối năm 2017 và 2018 nhưng vẫn còn nhiều khó khăn về tổ chức sản xuất, nhân sự nên hoạt động chưa ổn định, giá thành sản xuất cao, khó cạnh tranh.
  - Capsule: nhà máy 3 hoàn thành vào tháng 3/2018, có doanh thu từ đầu quý 3/2018 nên chưa đạt kế hoạch
  - Vikimco: giá đấu thầu giảm, việc cạnh tranh tham gia thầu với những công ty khác.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 15% so với kế hoạch và giảm 83% so với năm 2017, lợi nhuận sau thuế không đạt kế hoạch nguyên nhân chủ yếu là do:
  - Capsule: đầu quý 3/2018 nhà máy Capsule 3 chính thức đi vào hoạt động làm tăng các khoản chi phí phát sinh, bước đầu sản xuất số lượng ít, khấu hao lớn.
  - Dược phẩm: nguyên liệu sản xuất thuốc đầu vào tăng mạnh nhất là nguyên liệu sản xuất thuốc kháng sinh, tăng 50%-80% so với năm 2017.
  - Vikimco: giá nhựa tăng theo giá dầu, tăng khoảng 30% so với năm 2017.
  - Tháng 02/2018 Công ty đã phát hành thành công 20.000.000USD giá trị trái phiếu chuyển đổi, làm tăng chi phí tài chính.
  - Chi phí bán hàng DCL tăng so với năm 2017 do mở rộng mạng lưới bán hàng, đầu tư quảng cáo các dòng sản phẩm tuy nhiên chưa mang lại hiệu quả cao.

## 2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/*List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

Stt	Họ và tên	Chức vụ	CMND	Địa chỉ	SLCP sở hữu
1	Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	033075000082 cấp 12/9/2014 tại Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	C26-BT6, Hoài Thanh, Mỹ Đình II, Từ Liêm, Hà Nội	

2	Trịnh Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc tài chính	026082002357 cấp ngày 01/07/2016 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	12AC2 - CT4, KhuĐT Văn Khê, La Khê, Hà Đông, Hà Nội	21.300
3	Nguyễn Bá Thế	Phó Tổng Giám đốc KD dược phẩm	025 777 461 cấp ngày 13/5/2013 tại CA. TP HCM	47/326 K, P.12, Quang Trung, Gò Vấp, TP. HCM	
4	Lưu Quế Minh	Phó Tổng Giám đốc sản xuất	330049133 cấp 20/01/2009 tại CA Vĩnh Long	176/1, đường 8 tháng 3 P5.TP Vĩnh Long.Tỉnh Vĩnh Long	24.504
5	Trần Huệ Nga	Kế toán trưởng	331142282 cấp 04/04/2008 tại CA Vĩnh Long	Số 259/66 /3 - Phạm Hùng- P9 - TP Vĩnh Long	5.200

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(List the changes in the Board of Management of the year).
  - Tái bổ nhiệm ông Lưu Quế Minh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc sản xuất kể từ ngày 26/5/2018.
  - Tái bổ nhiệm ông Trịnh Quốc Khánh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc tài chính kể từ ngày 22/7/2018.
  - Tái bổ nhiệm bà Trần Huệ Nga giữ chức vụ Kế toán trưởng kể từ ngày 17/4/2018.
  - Bổ nhiệm ông Nguyễn Bá Thế giữ chức vụ Phó Phó Tổng Giám đốc kinh doanh dược phẩm kể từ ngày 01/11/2018.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./*Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.*

Tổng số lao động hiện có của công ty cuối năm 2018 là 1.051 người. Trong đó, trình độ trên đại học: 14 người (1,3%); Đại học-cao đẳng 321 người (30,5%); trung cấp: 338 người (32,2%); sơ cấp và công nhân lành nghề: 378 (36%).

Duy trì và thực hiện đúng, đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động về BHXH, BHYT, BHTN và kiểm tra sức khỏe định kỳ; ngoài ra Công ty còn mua thêm bảo hiểm kết hợp cho người lao động, tổ chức bữa ăn giữa ca tại Công ty hoặc hỗ trợ bằng tiền mặt thay cho bữa ăn khi người lao động làm việc ca 3, trường hợp đặc biệt không dùng cơm tập thể,...

Các chế độ, chính sách của người lao động Công ty luôn quan tâm và thực thi phù hợp với quy định của Pháp luật. Công tác đào tạo và các chính sách đào tạo thường xuyên được cập nhật, bổ sung những kỹ năng, nghiệp vụ và chuyên môn phù hợp, đáp ứng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm cũng như mục tiêu phát triển trung và dài hạn của Công ty.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/*Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các

dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/ *Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. In case the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons in case of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*

- Dự án xây mới nhà máy sản xuất Capsule 3 đã đi vào hoạt động đầu quý 3/2018, tăng sản lượng nang xuất bán, đáp ứng đơn đặt hàng theo nhu cầu của sales.
- Đầu tư mới tại các nhà máy sản xuất, phòng QC, phòng R&D các loại máy móc, thiết bị hiện đại, cao tốc mục đích nâng cao công suất, tăng chất lượng sản phẩm như: máy do độ hòa tan, máy sấy và tạo hạt tầng sôi, máy nhào trộn cao tốc, máy bao phim tự động, máy test lọc HEPA, máy ép vĩ phẳng...

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ *(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies)*.

Giống mục 3 phần I của báo cáo này.

#### 4. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

##### a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

DVT: đồng

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2018	Năm/Year 2017	% tăng giảm/ % <i>change</i>
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	1,730,929,127,063	1,221,155,561,815	42%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	804,179,613,967	765,341,797,858	5%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	20,314,677,965	88,321,973,273	-77%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	-286,824,380	9,930,608,209	-103%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	20,027,853,585	98,252,581,482	-80%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	12,698,029,644	74,877,213,248	-83%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial benchmarks*:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2017	Năm/Year 2018	Ghi chú/ <i>Note</i>
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> :	2,74	3,6	
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> :	1,79	2,77	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản/ <i>(Debt/Total assets ratio)</i>	0.35	0.53	

+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu ( <i>Debt/Owners' Equity ratio</i> )	0.54	1.15	
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i>	2.32	2.16	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,63	0.46	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần ( <i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i> )	0.098	0.016	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu ( <i>profit after tax/ total capital Ratio</i> )	0.095	0.016	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ( <i>profit after tax/ Total assets Ratio</i> )	0.061	0.007	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần ( <i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i> )	0.115	0.025	

5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) *Cổ phần/Shares:* Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 56.832.824 cổ phần

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông.

b) *Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure:* Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/*Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders).*

• **Cổ đông lớn**

Tên cổ đông	GPKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
-------------	------	---------	------------------	-------

Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	102182140	Tầng 5, Tòa Times Tower - HACC1 Complex Building, số 35 đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.	42.402.616	74,61%
--------------------------------	-----------	---	------------	--------

• **Cổ đông trong nước**

Cơ cấu vốn cổ đông	Số lượng cổ đông	Cổ phần nắm giữ	Giá trị (đồng)	Tỷ Lệ (%)
Cổ đông là tổ chức trong nước	29	40,419,882	404,198,820,000	71.12
Cổ đông cá nhân trong nước	2,059	14,743,824	147,438,240,000	25.94
<b>Cộng</b>	<b>2,088</b>	<b>55,163,706</b>	<b>551,637,060,000</b>	<b>97.06</b>

• **Cổ đông nước ngoài**

Cơ cấu vốn cổ đông	Số lượng cổ đông	Cổ phần nắm giữ	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông là tổ chức nước ngoài	10	1,087,334	10,873,340,000	1.91
Cổ đông cá nhân nước ngoài	63	581,784	5,817,840,000	1.02
<b>Cộng</b>	<b>73</b>	<b>1,669,118</b>	<b>16,691,180,000</b>	<b>2.94</b>

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ *Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society*

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ *Management of raw materials*:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

Tổng lượng nguyên vật liệu chính sử dụng trong năm: khoảng 3.000 tấn

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization*: không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption*:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly*: 12.994.700 Kw

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy*: không

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives*: không

6.3. *Tiêu thụ nước*: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used*: Công ty cấp nước Vĩnh Long, 73.681 m<sup>3</sup>.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused*: không.

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường*/ *Compliance with the law on environmental protection*:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment*: không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment*: không có

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động*/ *Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers*.

- Số lượng lao động: 1.051 người.

- Lương bình quân năm 2018: 6.300.000 đồng/người.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers*.

- Hàng năm Công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, lập hồ sơ theo dõi và quản lý theo quy định. Người lao động trực tiếp sản xuất được trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, mua bảo hiểm con người cho người lao động.

- Tổ chức bữa ăn giữa ca cho cán bộ công nhân viên Công ty.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff*.

Thực hiện đào tạo 30 lượt với 950 người tham dự, bao gồm các khóa đào tạo nội bộ và tham dự các khóa tập huấn, đào tạo bên ngoài, với nội dung về tiêu chuẩn GMP, ISO, PCCC, ATLĐ và chuyên môn nghiệp vụ.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development*.

Người lao động được Công ty cử đi học sau Đại học, Đại học (chuyên ngành Dược) được Công ty hỗ trợ một phần học phí. Người lao động học xa nhà được hỗ trợ tiền ăn và tiền thuê nhà trọ để an tâm học với cam kết học xong về phục vụ Công ty ít nhất 03 năm.

*6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

Tích cực đóng góp vào các hoạt động xã hội, hỗ trợ cộng đồng tại địa phương và các tỉnh vùng sâu, vùng xa.

Tài trợ thuốc chữa bệnh và cử cán bộ-nhân viên tham gia nhiều chuyến đi thiện nguyện tại các tỉnh Trà Vinh, Long An, Lâm Đồng, Kontum, Hà Giang.

Trong năm, Công ty đã Vận động, thực hiện đóng góp Quỹ vì người nghèo, Quỹ tấm lòng vàng; hỗ trợ thuốc khám chữa bệnh cho bà con nghèo tại tỉnh Trà Vinh, Kon Tum, Đồng Tháp; tặng quà Tết cho người dân địa phương Phường 5, Phường 8; thăm viếng gia đình Chính sách, thanh niên phường 5 nhập ngũ... Tổng kinh phí: 301.472.800 đồng.

*6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

Trong năm qua Công ty chưa tham gia vào thị trường vốn xanh.

*Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ (As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).*

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)**

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/ *The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

*1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).*

Giống mục 1 phần II báo cáo này.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/ *The Company's achievements.*
  - Nghiên cứu thành công và được Cục quản lý Dược Bộ Y Tế cấp số đăng ký công nhận đạt tiêu chuẩn tương đương sinh học đối với một số sản phẩm chủ lực của công ty như: Ceplor VPC 500, Cefixim 100, Cefixim 400, M-Rednison 16.
  - Hoàn thành xây mới nhà máy sản xuất Capsule 3 và đưa vào sử dụng đầu quý 3/2018, nâng công suất nhà máy, cung cấp kịp thời và đầy đủ các đơn hàng theo yêu cầu của khách hàng.

- Tối ưu hóa công suất sản xuất tại các nhà máy thông qua việc đầu tư các loại máy móc, trang thiết bị hiện đại, cao tốc nhập khẩu.
- Hệ thống phân phối của DCL với hình thức bán trực tiếp, bán qua Công ty con là Benovas Pharma, 10 chi nhánh tại các tỉnh, thành phố lớn và trên 80 nhà phân phối trên phạm vi toàn quốc.
- Hệ thống ETC DCL trực tiếp tham gia thầu tại các cơ sở y tế trên cả nước và cung cấp hàng hóa trực tiếp đến tất cả các bệnh viện, trung tâm y tế thông qua hệ thống chi nhánh của DCL trên toàn quốc.
- Capsule cung cấp nang cho hầu hết các Công ty sản xuất thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng trong nước.

## 2. Tình hình tài chính/ *Financial Situation*

### a) Tình hình tài sản/ *Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/*Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results)*.

Tổng tài sản có đến ngày 31/12/2018 là 1.730 tỷ đồng tăng so với cùng kỳ năm trước 1.221 tỷ đồng, do dự án xây mới nhà máy sản xuất Capsule 3 hoàn thành và chính thức đưa vào sử dụng. Thêm vào đó, Công ty đã phát hành thành công 20.000.000 USD giá trị trái phiếu chuyển đổi cho nhà đầu tư nước ngoài.

### b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts*.  
Nợ phải trả có đến thời điểm 31/12/2018 là 925 tỷ đồng, tăng 496 tỷ đồng so với cùng kỳ, nguyên nhân chủ yếu là do ngày 07/02/2018 Công ty đã phát hành thành công 20.000.000 USD giá trị trái phiếu chuyển đổi cho nhà đầu tư Rhinos Vietnam Convertible Bond Private Investment Fund No.3.
- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results*.  
Công ty không có nợ phải trả xấu.

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policies, management*.

- Với sự chỉ đạo của Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T, Ban lãnh đạo DCL đã cải tiến cơ cấu tổ chức phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty, bổ sung thành lập các bộ phận hỗ trợ cần thiết, thực hiện các chức năng kết hợp với việc bố trí nhân sự hợp lý, thúc đẩy các mặt hoạt động của Công ty phát triển theo mục tiêu chung.
- Tăng cường công tác quản lý và nâng cao hiệu quả công việc thông qua xây dựng hệ thống OGSM và đánh giá KPIs;
- Căn cứ Kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm, thực hiện điều chỉnh các SOP của Công ty cho phù hợp, tuân thủ chủ trương của Tập đoàn và quy định của pháp luật.
- Thực hiện Quy chế phân quyền (Org.MoA) tại DCL theo chỉ đạo của Tập đoàn, đảm bảo các hoạt động Công ty vận hành theo hệ thống.



- Duy trì hoạt động các nhà máy sản xuất theo tiêu chuẩn GMP-WHO, cGMP-FDA: 2015, ISO 9001:2015, ISO 7886-1: 2017, ISO 13485:2016.

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ *Development plans in the future*

- Nghiên cứu khả thi dự án xây dựng nhà máy thuốc ung thư công nghệ cao đặt tại khu công nghiệp công nghệ cao.
- Tiếp tục nghiên cứu dự án đầu tư Nhà máy sản xuất Capsule 4 căn cứ vào nhu cầu thị trường.
- Nghiên cứu đầu tư Dự án nhà máy sản xuất vật tư y tế mới.
- Tăng cường đầu tư phát triển các sản phẩm tương đương sinh học, mục tiêu mỗi năm có từ 3-4 sản phẩm đạt tương đương sinh học.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/*Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).*

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ *Assessment Report related to environmental and social responsibility of company*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/*Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).*

Công ty thực hiện đầy đủ các yêu cầu, tiêu chuẩn về hệ thống xử lý nước, nước thải; trang bị cây xanh và vệ sinh môi trường ở các nhà máy và khu vực văn phòng, được cơ quan chuyên môn thẩm định và cấp giấy chứng nhận.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers*

Công ty thực hiện đúng và đầy đủ các chính sách đối với người lao động, nâng cao thu nhập cho người lao động thông qua đầu tư trang thiết bị sản xuất hiện đại, nâng sản lượng sản xuất, tiết giảm chi phí sản xuất, ...

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Review concerning corporate responsibility towards the local community*

Tích cực đóng góp vào các hoạt động xã hội, hỗ trợ cộng đồng tại địa phương và các tỉnh vùng sâu, vùng xa.

Tài trợ thuốc chữa bệnh và cử cán bộ-nhân viên tham gia nhiều chuyến đi thiện nguyện tại các tỉnh Trà Vinh, Long An, Lâm Đồng, Kontum, Hà Giang.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/*Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ *Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

- Với sự chỉ đạo của Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T và HĐQT năm 2018 Công ty thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh đúng theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường và thường niên năm 2018, các phòng ban, nhà máy đã nỗ lực hoàn thành chỉ tiêu cam kết với Ban lãnh đạo từ đầu năm.
- Trong quá trình sản xuất kinh doanh Công ty đã thực hiện đúng các quy định của các cơ quan quản lý, của Cục Quản lý dược, Sở y tế...Thực hiện các quy chế, quy trình, hướng dẫn...do Công ty ban hành

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/*Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

- Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường và thường niên năm 2018 thống nhất, thông qua các báo cáo hàng tháng, quý và theo yêu cầu;
- Việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao hiệu quả công việc thông qua xây dựng hệ thống OGSM và đánh giá KPIs;
- Căn cứ Kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm, thực hiện điều chỉnh các SOP của Công ty cho phù hợp, tuân thủ chủ trương của Tập đoàn và quy định của pháp luật.
- Việc thực hiện Quy chế phân quyền (Org.MoA) tại DCL theo chỉ đạo của Tập đoàn.
- Triển khai thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ các quy định của các cơ quan quản lý nhà nước;
- Phát triển hệ thống kinh doanh phù hợp với tình hình thị trường từng thời điểm, phát triển mạng lưới rộng khắp các tỉnh thành trên cả nước;
- Chú trọng công tác đầu tư, cải tiến công nghệ nâng cao chất lượng sản phẩm thông qua việc trang bị các máy móc, thiết bị sản xuất hiện đại nhập khẩu, nghiên cứu sản phẩm mới, đầu tư các sản phẩm tương đương sinh học;
- Công tác quản lý tài chính chặt chẽ, kiểm soát chi phí theo ngân sách đã được phê duyệt từ đầu năm,
- Phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng, năm 2018 làm cơ sở xây dựng Kế hoạch kinh doanh năm 2019.

## 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/*Plans, orientations of the Board of Directors*

- Về năng lực sản xuất: ưu tiên đầu tư máy móc, trang thiết bị hiện đại, cao tốc cho các nhà máy sản xuất, bố trí sản xuất phù hợp, tiết giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động.
- Về sản phẩm: liên tục nghiên cứu sản phẩm mới, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường. Tăng cường các sản phẩm thử tương đương sinh học...
- Về kinh doanh: tập trung xây dựng nhóm hàng chiến lược có doanh số và lợi nhuận cao. Tập trung xây dựng thương hiệu sản phẩm nổi bật.
- Quản lý tài chính chặt chẽ, kiểm soát ngân sách sử dụng, đảm bảo nguồn lực cho các dự án của công ty.
- Các dự án đầu tư:
  - Nghiên cứu đầu tư Dự án nhà máy sản xuất vật tư y tế mới.
  - Tăng cường đầu tư phát triển các sản phẩm tương đương sinh học, mục tiêu mỗi năm có từ 3-4 sản phẩm đạt tương đương sinh học.

## V. Quản trị công ty/*Corporate governance* (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section*).

### 1. Hội đồng quản trị/*Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies)*).

- Thành viên Hội đồng quản trị năm 2018:

1. Ông Nguyễn Văn Sang - Chủ tịch HĐQT
2. Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Phó Chủ tịch HĐQT
3. Ông Kiều Hữu Dũng - Thành viên HĐQT
4. Bà Nguyễn Lê Hoàng Yến - Thành viên HĐQT
5. Ông Đỗ Thế Cao - Thành viên HĐQT

- Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác
1	Ông Nguyễn Văn Sang		<p>Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T</p> <p>Chủ tịch Công ty CP dược phẩm Euvipharm</p> <p>Chủ tịch HĐQT Công ty CP dược phẩm Benovas</p> <p>Chủ tịch HĐQT Công ty CP TBYYT Benovas</p> <p>Chủ tịch HĐQT Công ty CP thuốc ung thư Benovas</p> <p>Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần FIT consumer</p> <p>Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Westfoods Hậu Giang</p> <p>Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần nước khoáng Khánh Hòa-FIT Beverage</p> <p>Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hạt Giống TSC (TSC SEEDING)</p> <p>Chủ tịch HĐQT Công ty CP Giống Cây trồng Nông Tín</p> <p>Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần dầu tư Dũng Tâm.</p> <p>TV HĐQT Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Cty Safoco</p>
2	Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	0,017%	<p>Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T</p> <p>TV HĐQT Công ty CP dược phẩm Euvipharm</p> <p>Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vật tư Kỹ Thuật Nông nghiệp</p> <p>TV HĐQT Công ty CP thuốc ung thư Benovas</p>

			Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần FIT consumer TV HĐQT Công ty cổ phần Westfoods Hậu Giang TV HĐQT Công ty cổ phần đầu tư Dũng Tâm TV HĐQT Công ty Cổ phần Hạt Giống TSC (TSC SEEDING) TV HĐQT Công ty CP Giống Cây trồng Nông Tín Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Dũng Tâm
3	Ông Kiều Hữu Dũng		Phó CT HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư KD Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản DPV Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khu du lịch Champarama
4	Bà Nguyễn Lê Hoàng Yến		
5	Ông Đỗ Thế Cao	0,012%	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee*).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings*.

Trong năm, HĐQT đã tổ chức 16 cuộc họp định kỳ và bất thường, các cuộc họp với nội dung triển khai thực hiện những vấn đề đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường và thường niên 2018 thông qua, định hướng chiến lược, đặt ra các mục tiêu hoạt động, ngân sách hoạt động...

Về việc thực hiện mục tiêu và hoạt động Công ty, Chủ tịch HĐQT phân công nhiệm vụ tới từng thành viên, có báo cáo phân tích và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động toàn Công ty. Thực hiện công bố thông tin đầy đủ và kịp thời đến các cổ đông định kỳ và bất thường.

o Nội dung các cuộc họp:

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
1	NQ số 1701/NQ.HĐQT	17/01/2018	Thông qua mục đích sử dụng vốn của đợt phát hành 20 triệu USD trái phiếu chuyển đổi và dự kiến phương án trả nợ gốc của đợt phát hành
2	NQ số 02/NQ.HĐQT	24/01/2018	Về việc triển khai phương án phát hành riêng lẻ trái phiếu chuyển đổi cho nhà đầu tư nước ngoài
3	NQ số 04/NQ.HĐQT	05/3/2018	Về việc thay đổi giám đốc Công ty con: Cty TNHH ITV DP VPC-Sài Gòn
4	NQ số 05/NQ.HĐQT	09/3/2018	Về việc HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
5	NQ số 06/NQ.HĐQT	22/3/2018	Về việc kế hoạch kinh doanh 2018 trình ĐHCĐ 2018
6	QĐ số 03/QĐBN-DCL	06/4/2018	Về việc tái bổ nhiệm ông Lưu Quốc Minh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc sản xuất
7	QĐ số 04/QĐBN-DCL	06/4/2018	Về việc tái bổ nhiệm ông Trịnh Quốc Khánh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính
8	QĐ số 05/QĐBN-DCL	06/4/2018	Về việc tái bổ nhiệm bà Trần Huệ Nga giữ chức vụ Kế toán trưởng
9	NQ số 08/NQ.HĐQT	30/5/2018	Về việc chi cổ tức 2018
10	NQ số 09/NQ.HĐQT	04/6/2018	Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh Thanh Hóa và Trà Vinh
11	NQ số 10/NQ.HĐQT	20/6/2018	Về việc chọn Công ty kiểm toán năm 2018
12	NQ số 11/NQ.HĐQT	29/8/2018	Về việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị cty
13	NQ số 12/NQ.HĐQT	31/10/2018	Về việc thôi chức vụ, bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc kinh doanh dược phẩm
14	NQ số 13/NQ.HĐQT	26/11/2018	Về việc thông qua hợp đồng, giao dịch với các bên có liên quan

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

*Ban kiểm soát gồm 3 thành viên:*

- Ông Phí Xuân Trường - Trưởng ban
- Bà Phan Thị Hòa - Thành viên
- Bà Vũ Thị Minh Hoài - Thành viên

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*).

- BKS tham dự các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của công ty. BKS thực hiện giám sát công tác quản trị doanh nghiệp của HĐQT, Ban điều hành đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, điều lệ công ty và quy chế quản trị nội bộ của công ty. BKS giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ thường niên và bất thường thông qua.
- BKS kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán, báo cáo tài chính tháng, quý, năm; giám sát việc chấp hành các văn bản chính sách của nhà nước, quy trình, quy chế và các quy định nội bộ của công ty; giám sát việc ban hành, sửa đổi, bổ sung quy trình, quy chế của công ty; giám sát hoạt động công bố thông tin kịp thời và đầy đủ theo quy định.
- BKS giám sát công tác quản lý sổ sách chứng từ liên quan đến cổ đông, đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của cổ đông; đồng thời giám sát việc cổ đông được tham gia đóng góp ý kiến, chất vấn, yêu cầu cung cấp thông tin theo đúng quy định.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/*Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently*).

Thực hiện kế hoạch chi trả thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 phê duyệt, Công ty thực hiện chi năm 2018 như sau:

- **Hội đồng quản trị:**
  - Số lượng: 05 thành viên.
  - Mức chi trả : Chủ tịch: 5.000.000 đồng/tháng, thành viên: 4.000.000 đồng/tháng
  - Thù lao được thanh toán hàng quý.

- Tổng chi trả : 252.000.000 đồng.
- **Ban kiểm soát :**
- Số lượng: 03 thành viên
- Mức chi trả : Trưởng ban: 3.000.000 đồng/tháng, thành viên: 2.000.000 đồng/tháng
- Thù lao được thanh toán hàng quý.
- Tổng chi trả : 84.000.000 đồng.

Lương của Ban Tổng Giám đốc năm 2018: 1.383.600.000 đồng.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons*).

SttNo.	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi thường...)Reason for increase, decrease (purchase, sale, switch, reward)
			<i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		<i>Number of shares owned at the end of the period</i>		
	<i>Transaction executor</i>	<i>Relationship with internal person</i>	Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	
1	Công ty CP Tập đoàn F.I.T	Nguyễn Văn Sang - Chủ tịch HĐQT kiêm TGD DCL	40.402.616	71,09%	42,402,616	74.61%	Tăng tỷ lệ sở hữu mua 2.000.000 CP ngày 08/6/2018

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights*).

STT	TÊN CÔNG TY	MỐI QUAN HỆ
1	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	Công ty mẹ
2	Công ty TNHH 1 thành viên Dược phẩm VPC - Sài Gòn	Công ty con
3	Công ty cổ phần Dược phẩm Euvipharm	Công ty con
4	Công ty cổ phần Thuốc ung thư Benovas	Công ty con

5	Công ty cổ phần Dược phẩm Benovas	Công ty con
6	Công ty Cổ phần nước khoáng Khánh Hòa – FIT Beverage	Công ty có liên quan với TV HĐQT
7	Công ty Cổ phần FIT Consumer	Công ty có liên quan với TV HĐQT
8	Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam	Công ty có liên quan với TV HĐQT

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance*).

Thực hiện tốt các quy định theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, nâng cao vai trò quản trị thông qua việc cập nhật các Thông tư, Nghị định, Hướng dẫn...

## VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

### 1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions*

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided*).

(Đính kèm theo Báo cáo).

Vĩnh Long, ngày 25 tháng 3 năm 2019

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**  
**CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE**



Nguyễn Văn Sang